

4. Hội Khoáng thạch học Việt Nam.
5. Hội Trâm tích Việt Nam.
6. Hội Địa hóa Việt Nam.
7. Hội Địa chất biển Việt Nam.
8. Hội Địa chất Kinh tế Việt Nam.
9. Hội Đá quý Việt Nam.
10. Hội Địa chất than Việt Nam.
11. Hội Địa chất thủy văn Việt Nam.
12. Hội Địa chất Công trình và Môi trường Việt Nam.
13. Hội Tuyển Khoáng Việt Nam.
14. Hội Công nghệ Khoan khai thác Việt Nam.

(Tổng số 14 Hội)./.

BỘ NGOẠI GIAO

CÔNG VĂN số 4238/CV-NG-LPQT ngày 31/12/2004 về việc sửa đổi Hiệp định Việt - Nga về điều kiện đi lại của công dân.

Thực hiện Pháp lệnh về ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế năm 1998 (Điều 28) và quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Công văn số 5946/VPCP-QHQT ngày 01 tháng 11 năm 2004), Bộ Ngoại giao đã hoàn thành thủ tục đối ngoại về sửa đổi Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga

về điều kiện đi lại của công dân hai nước, ký tại Mát-xcơ-va ngày 28 tháng 10 năm 1993, cụ thể:

1. Theo thỏa thuận giữa hai Chính phủ, các Điều 3, 7 và 8 của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về điều kiện đi lại của công dân hai nước, ký tại Mát-xcơ-va ngày 28 tháng 10 năm 1993, được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3.

1. Công dân của Bên ký kết này mang hộ chiếu ngoại giao hoặc hộ chiếu công vụ được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và được tạm trú với thời hạn 90 ngày trên lãnh thổ Bên ký kết kia.

2. Khi có lý do chính đáng hoặc theo yêu cầu chính thức, cơ quan có thẩm quyền của một Bên ký kết có thể gia hạn tạm trú trên lãnh thổ nước mình cho công dân của Bên ký kết kia mang các loại hộ chiếu nói trên, với thời hạn gia hạn thêm không quá 90 ngày.

Điều 7.

1. Công dân của Bên ký kết này mang hộ chiếu thuyền viên và là thủy thủ trên tàu của Bên ký kết đó có thể đến, rời khỏi tàu của họ và tạm trú trên lãnh thổ Bên ký kết kia miễn thị thực.

Trong trường hợp những công dân đó đi lại bằng đường bộ, đường sắt và đường hàng không qua lãnh thổ Bên ký kết kia thì họ được miễn thị thực khi trong hộ chiếu thuyền viên có ghi mục đích chuyển đi và nơi đến.

2. Chế độ miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh Liên bang Nga và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của thành viên tổ bay của tàu bay các Bên ký kết và là công dân các Bên ký kết, được áp dụng trong các trường hợp sau:

2.1. Các chuyến bay thường lệ và các chuyến bay tăng chuyến trên các tuyến thỏa thuận do các hãng hàng không được chỉ định của Liên bang Nga và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện trên cơ sở Hiệp định hàng không giữa Chính phủ Liên bang Nga và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký ngày 27 tháng 5 năm 1993.

2.2. Các chuyến bay do các hãng hàng không của Liên bang Nga và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện ngoài các chuyến bay nói trên.

2.3. Các chuyến bay chuyên cơ nhà nước của Liên bang Nga và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.4. Các chuyến bay do tổ bay thuê thực hiện trên các tàu bay tư nhân đã được Chính phủ Liên bang Nga hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đăng ký.

3. Thủ tục miễn thị thực quy định tại khoản 2 Điều này được áp dụng như sau:

3.1. Khi nhập cảnh và xuất cảnh Liên bang Nga, các thành viên tổ bay của tàu bay nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải xuất trình hộ chiếu phổ thông còn giá trị, thẻ thành viên tổ bay và danh sách tổ bay của chuyến bay này

cho lực lượng kiểm soát cửa khẩu tại sân bay nơi tàu bay hạ cánh.

3.2. Khi nhập cảnh và xuất cảnh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các thành viên tổ bay của tàu bay Liên bang Nga phải xuất trình hộ chiếu phổ thông đi nước ngoài còn giá trị, thẻ thành viên tổ bay và danh sách tổ bay của chuyến bay này cho lực lượng kiểm soát cửa khẩu tại sân bay nơi tàu bay hạ cánh.

3.3. Các thành viên tổ bay của tàu bay Liên bang Nga và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải có hộ chiếu phổ thông đi nước ngoài hoặc hộ chiếu phổ thông còn giá trị, thẻ thành viên tổ bay và văn bản xác nhận về mục đích chuyến bay (bản sao Danh sách tổ bay) trong các trường hợp sau đây:

a) Khi nhập cảnh lãnh thổ quốc gia một Bên ký kết với tư cách là hành khách đi trên tàu bay thuộc hãng hàng không nơi người đó làm việc hoặc đi trên tàu bay thuộc hãng hàng không khác để thực hiện công vụ trên tàu bay rời khỏi lãnh thổ quốc gia Bên ký kết đó.

b) Khi xuất cảnh khỏi lãnh thổ quốc gia một Bên ký kết với tư cách là hành khách đi trên tàu bay thuộc hãng hàng không nơi người đó làm việc hoặc tàu bay thuộc hãng hàng không khác.

c) Khi chuyển từ một sân bay này sang một sân bay khác tại Liên bang Nga hoặc tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để thực hiện công vụ trên tàu bay khác hoặc để xuất cảnh với tư cách là hành khách.

4. Thời hạn mỗi lần lưu trú của những đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này không quá 30 ngày.

Điều 8.

1. Công dân Liên bang Nga đi đến lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo giấy mời của viên chức ngoại giao, nhân viên hành chính - kỹ thuật, nhân viên phục vụ của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự có thể thực hiện các chuyến đi như vậy bằng hộ chiếu phổ thông đi nước ngoài của Liên bang Nga.

Để thực hiện các chuyến đi như vậy, trên cơ sở xuất trình giấy mời có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Liên bang Nga, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong thời hạn ba ngày làm việc, cấp thị thực nhập xuất cảnh nhiều lần có thời hạn giá trị không quá 3 tháng.

2. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đi đến lãnh thổ Liên bang Nga theo giấy mời của viên chức ngoại giao, nhân viên hành chính - kỹ thuật, nhân viên phục vụ của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự có thể thực hiện các chuyến đi như vậy bằng hộ chiếu phổ thông của Việt Nam.

Để thực hiện các chuyến đi như vậy, trên cơ sở xuất trình giấy mời có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan đại diện

ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Liên bang Nga, trong thời hạn ba ngày làm việc, cấp thị thực nhập xuất cảnh hai lần có thời hạn giá trị không quá 03 tháng.

3. Không thu bất cứ một khoản lệ phí nào về việc cấp thị thực nêu tại khoản 1 và 2 Điều này”.

2. Sửa đổi, bổ sung Hiệp định nêu trên có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2005./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Thứ trưởng

Vũ Dũng

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 05/2005/TT-BTC
ngày 11/01/2005 hướng dẫn
chế độ thuế áp dụng đối với
các tổ chức nước ngoài không
có tư cách pháp nhân Việt Nam
và cá nhân nước ngoài kinh
doanh hoặc có thu nhập phát
sinh tại Việt Nam.

Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng số 02/1997/QH9; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 07/2003/QH11; Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ